

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2021/HS-ST
Ngày 23/7/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đà Giang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Quách Ngọc Ánh

Ông Ngô Trung Tính

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Dương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hòa Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Diễm - Kiểm sát viên.

Ngày 23/7/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hòa Bình xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 26/2021/TLST-HS ngày 25/5/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2021/QĐXXST-HS ngày 09/7/2021 đối với bị cáo:

Bùi Văn H (tên gọi khác: Không), sinh ngày 05/5/1994 tại huyện K - Hòa Bình. Nơi cư trú: Khu N, thị trấn L, huyện K, tỉnh Hòa Bình; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 9/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn H và bà Mai Thị L; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Chưa có vợ con;

Tiền án, tiền sự: Không có.

Nhân thân: Không có.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 17/02/2021 đến nay có mặt tại phiên tòa.

- Người tham gia tố tụng khác:

Bị hại: Ông Lê Văn T, sinh năm 1969 (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt);

Cư trú tại: Xóm V, xã Đ, huyện K, tỉnh Hòa Bình.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Lưu T, sinh năm 1986 (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

Cư trú tại: Số 10, thôn Đ, xã Đ, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

- Bà Mai Thị L, sinh năm 1963; (có mặt)

Cư trú tại: Khu N, thị trấn L, huyện K, tỉnh Hòa Bình.

Người làm chứng:

- Anh Lưu T, sinh năm 1986 (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Cư trú tại: Số 10, thôn Đ, xã Đ, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

- Bùi Long N, sinh năm 1999 (có mặt)

Cư trú tại: Khu N, thị trấn L, huyện K, tỉnh Hòa Bình.

- Chị Nguyễn Thị Kim Ph, sinh năm 1981; (vắng mặt, không có lý do)

Cư trú tại: thôn Đ, xã Đ, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào trưa ngày 08/02/2021, sau khi nhận được điện thoại của một khách quen tên Trung, có địa chỉ tại huyện Th, tỉnh Phú Thọ gọi thuê xe chở đi tỉnh Nghệ An, H liền gọi điện cho ông Lê Văn T là chủ e ô tô Biển kiểm soát 28H-6778 hỏi “Chú có đi chở được không?”. Ông T trả lời “Bây giờ chú bận không đi được, không nhờ được lái xe, cháu đi chở hộ chú”, H từ chối do bận muốn vào công ty trong Tân Lạc nhưng ông T nói “Cháu cố gắng đi giúp chú” nên H đồng ý đi chở khách thuê cho ông T. Ông T điều khiển xe mô tô trên đến nhà H tại Khu N, thị trấn L, huyện K, tỉnh Hòa Bình giao xe và giấy tờ cho H. H điều khiển xe chở ông T về nhà, sau đó gọi cho Bùi Long N, sinh năm 1999, trú cùng xóm bảo: “Có bận gì không đi chở khách cùng anh cho vui, anh đi một mình buồn” thì được Nh đồng ý. Sau khi quay xe về đón Nh, H điều khiển xe ô tô đi lên thành phố Hòa Bình để sang huyện Th, tỉnh Phú Thọ đón khách. Trên đường đi, H nghĩ đã gần tết nhưng không có tiền tiêu và tiền trả nợ nên đã nảy sinh ý định đi xuống Hà Nội nhờ bạn vay tiền. H gọi điện cho khách hàng ở Phú Thọ hủy chuyến đi rồi điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 28H-6778, nhãn hiệu Toyota Corolla Altis của ông T đi cầm cố để vay tiền. Sáng ngày 09/02/2020, H gọi điện nhờ và được người quen là Nguyễn Thị Kim Ph, sinh năm 1981, trú tại thôn Đ, xã , huyện Q, tỉnh Thái Bình đồng ý tìm mối vay tiền giúp. Sau đó tại nhà chị Phượng, H được giới thiệu gặp anh Lưu T. H nói xe ô tô biển kiểm soát 28H-6778, nhãn hiệu Toyota Corolla Altis là của mình mua để chạy xe taxi nên muốn cầm cố xe làm tin, vay anh T tiền, T đồng ý cho vay số tiền 40.000.000 (*bốn mươi triệu*) đồng và H tự nguyện viết giấy bán xe ô tô Toyota Corolla Altis biển kiểm soát 28H-6778 với giá 100.000.000 (*một trăm triệu*) đồng và giao lại toàn bộ giấy tờ xe, người làm chứng ký vào giấy là Nguyễn Thị Ph. Hôm sau H đòi vay thêm thì anh T đưa thêm cho H 10.000.000 (*mười triệu*) đồng với điều kiện phải nhận được ảnh chứng minh thư nhân dân và đã nhận được ảnh chứng minh nhân dân của chủ sở hữu xe ô tô là ông T qua zalo. Tất cả số tiền vay được, H trả nợ và tiêu xài cá nhân hết.

Đến sáng ngày 11/02/2021, H và Nh đón xe khách về nhà ở Khu N, thị trấn L, huyện K. Ngày 16/02/2021 ông T không thấy H mang xe về trả liền gọi điện hỏi H thì H bảo đã bán xe ở xã Đông Hưng, huyện Thái Bình với giá 50.000.000 (*năm*

mười triệu) đồng, nếu ông T muốn lấy lại thì phải mang tiền xuống mà chuộc xe về. Ngày 17/02/2021 ông T viết đơn tố cáo, cùng ngày H đến Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện K đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội đã gây ra.

Vật chứng Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện K thu giữ gồm: 01 xe ô tô BKS 28H-6778, nhãn hiệu Toyota Corolla Altis màu đen, xe đã qua sử dụng; 01 đăng ký xe ô tô mang tên Lê Văn T, biển đăng ký 28H-6778 số 001757; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe ô tô số AD20/0098911, tên chủ xe Lê Văn T, biển đăng ký 28H-6778 đã được trả lại cho chủ sở hữu xe là ông Lê Văn T.

Tại kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐĐGTS ngày 22/02/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện K, xác định: Xe ô tô Toyota Corolla Altis biển kiểm soát 28H-6778 bị H chiếm đoạt có giá trị là: 190.666.000 đồng

Bản cáo trạng số 24/CT-VKS ngày 24/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Hòa Bình truy tố bị cáo Bùi Văn H về Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo điểm c khoản 2 điều 175 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, bị cáo nhận tội, không kêu oan.

Ý kiến của những người tham gia tham gia tố tụng:

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (bà Mai Thị L): Số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) bà đã bồi thường cho bị cáo H là do H đã tác động nhờ bà Lan bồi thường. Tại phiên tòa bà Lan không yêu cầu Tòa án xem xét trách nhiệm dân sự giữa bà và bị cáo H. Bà là mẹ bị cáo, nên không yêu cầu H có nghĩa vụ hoàn trả lại số tiền đã bồi thường, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa: giữ nguyên nội dung quyết định truy tố, tội danh và điều luật áp dụng đối với bị cáo. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không có. Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; tác động gia đình tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại; bị cáo đầu thú; bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng cho bị cáo.

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 175; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự: Tuyên bố bị cáo Bùi Văn H phạm Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, xử phạt bị cáo Bùi Văn H từ 06 (sáu) năm đến 6 (sáu) năm 6 (sáu) tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại được tài sản và số tiền chuộc tài sản 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng nên không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm nên không đề cập giải quyết.

Các ý kiến tranh luận:

Bị cáo nhận thấy đề nghị của Viện kiểm sát về tội danh, điểm khoản là đúng, về mức hình phạt đề nghị áp dụng cho bị cáo thấy nặng. Bị cáo nhận thấy gia đình mình đã khắc phục hậu quả, bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại; bị hại cũng có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, đại diện viện kiểm sát không có ý kiến tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức về hành vi của mình là sai, sau này sẽ không tái phạm. Kính mong Hội đồng xét xử cho bị cáo mức hình phạt thấp nhất để bị cáo sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng*: Hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố những người tham gia tố tụng không có khiếu nại, tố cáo hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng.

[2] *Về căn cứ xác định tội danh, điều luật áp dụng đối với bị cáo*: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng trưa ngày 08/02/2021, lợi dụng việc ông T tín nhiệm giao xe chở khách thuê, bị cáo đã có hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản là chiếc xe ô tô Toyota Corolla Altis biển kiểm soát 28H-6778 trị giá 190.666.000 (*Một trăm chín mươi triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn*) đồng. Bị cáo xác nhận sau khi cầm cố tài sản được số tiền 50.000.000 (*năm mươi triệu*) đồng, bị cáo đã trả nợ và tiêu tiêu xài cá nhân hết. Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Cáo trạng truy tố bị cáo về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo điểm c khoản 2 Điều 175 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] *Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội, năng lực chịu trách nhiệm hình sự của bị cáo*: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến quyền sở hữu tài sản là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ và gây ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có nhận thức và hiểu biết pháp luật. Bị cáo là người có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự. Do vậy, cần có mức án tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị xử phạt bị cáo từ 6 (*sáu*) năm đến 6 (*sáu*) năm 6 (*sáu*) tháng tù là đúng với tính chất mức độ hành vi phạm tội và hậu quả tội phạm mà bị cáo đã gây ra.

[4] *Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo*: Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không có. Về tình tiết giảm nhẹ trách

nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; đã đầu thú; tác động gia đình tích cực bồi thường toàn bộ thiệt hại, bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử áp dụng cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

[5] *Về hình phạt bổ sung*: Bị cáo là người không có tài sản, không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

[6] *Về vật chứng của vụ án*: Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện K thu giữ gồm: 01 (một) xe ô tô biển kiểm soát 28H-6778, nhãn hiệu Toyota Corolla Altis màu đen, xe đã qua sử dụng; 01 đăng ký xe ô tô mang tên Lê Văn T, biển đăng ký 28H-6778 số 001757; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe ô tô số AD20/0098911, tên chủ xe Lê Văn T, biển đăng ký 28H-6778 đã được Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K, tỉnh Hòa Bình trả lại cho chủ sở hữu xe là ông Lê Văn T nên không đề cập giải quyết.

[7] *Về trách nhiệm dân sự*:

Tài sản là chiếc xe ô tô Toyota Corolla Altis biển kiểm soát 28H-6778 bị chiếm đoạt bị hại đã nhận lại nguyên trạng và không có thiệt hại gì. Tại phiên tòa, bị hại có đơn không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm nên không đề cập giải quyết.

Số tiền bị cáo mượn của bà Mai Thị L là mẹ đẻ của bị cáo là 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng để bồi thường cho bị hại đã chi tiền ra chuộc xe, bà Lan không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng anh Lưu T cho bị cáo vay khi cầm cố chiếc ô tô Toyota Corolla Altis biển kiểm soát 28H-6778, ông Lê Văn T và Lưu T đã tự thỏa thuận và trả cho nhau. Ông T và anh T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] *Về các vấn đề khác*:

Anh Lưu T có hành vi nhận cầm cố (trên giấy tờ ghi là mua bán) tài sản là chiếc ô tô do bị cáo H phạm tội mà có nhưng theo lời khai: khi giao dịch không biết là tài sản do vi phạm pháp luật mà có. Cơ quan điều tra Công an huyện K điều tra, xác định T không biết nên chưa đủ căn cứ xử lý trong vụ án này.

Anh Bùi Long N mặc dù đi cùng xe ô tô Toyota Corolla Altis bị cáo H chiếm đoạt của ông Lê Văn T từ khi bắt đầu cho đến khi đón xe khách về thị trấn B, huyện K cùng H nhưng Cơ quan điều tra Công an huyện K không chứng minh được có dấu hiệu đồng phạm nên không có căn cứ xử lý trong vụ án này.

Bùi Thị Phượng là người có hành vi môi giới đưa bị cáo H gặp T để cầm cố tài sản làm dụng tín nhiệm chiếm đoạt được để vay tiền đã trốn khỏi địa phương không tìm được, cơ quan cảnh sát điều tra chưa điều tra, xác minh được nên không có cơ sở xem xét trách nhiệm hình sự trong vụ án này.

[9] *Về án phí*: Bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 và Điều 50 của Bộ luật hình sự;

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Bùi Văn H phạm tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Bùi Văn H 06 (*sáu*) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 17/02/2021.

3. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự bị cáo, người có quyền, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại, người có quyền, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- Sở tư pháp tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- CQCSĐT Công an huyện K;
- CQ THAHS Công an huyện K;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hòa Bình;
- Bị cáo; bị hại; người có quyền, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Đà Giang

